

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 10-01-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm E H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn O, sinh năm 1973 và bà Lã Thị N, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Xóm D H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm E H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm E H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Người đại diện theo uỷ quyền của anh Đỗ Tuấn A, anh Đỗ Thành T: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm E H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định – Là nguyên đơn.

(Bà L vắng mặt có lý do; chị N, anh O vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-8-2024, bản tự khai ngày 07-11-2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Gia đình bà L, ông D và ông O, bà N do là người cùng xã nên có quen biết nhau. Ngày 03/04/2018 dương lịch, ông O, bà N đến nhà bà L, ông D vay số tiền 220.000.000đ để làm sổ đỏ và cho con đi xuất khẩu lao động Đài Loan. Sau khi nhận tiền, bà N viết giấy biên nhận giao bà L giữ bản gốc. Giấy vay tiền có nội dung: Vợ chồng bà N, ông O vay của ông D, bà L số tiền 220.000.000đ, có chữ ký của bên vay là ông O, bà N. Khi cho vay, bà L, ông D và ông O, bà N không thỏa thuận thời hạn thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng theo mức lãi suất Ngân hàng. Tuy nhiên, từ khi vay, ông O, bà N chưa trả gốc và lãi cho bà L, ông D.

Ngày 04/11/2023, ông D chết không để lại di chúc; bố mẹ đẻ ông D đã chết trước ông D; các con của bà L, ông D nhường quyền sở hữu khoản nợ của ông O, bà N cho bà L. Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông O, bà N trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận từ khi vay cho đến khi trả xong nợ gốc. Tuy nhiên, tại bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bà L đề nghị Tòa án buộc anh O, chị N phải trả cho bà L khoản vay gốc 220.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý số 163/TB-TLVA ngày 05-11-2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ cho ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N nhưng ông O, bà N không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi các văn bản trình bày ý của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh O, chị N nhưng chị N, anh O vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

Tại bản tự khai ngày 11-12-2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Tuấn A, anh Đỗ Thành T trình bày:

Ông Đỗ Thanh D và bà Phạm Thị L có hai con đẻ là anh Đỗ Tuấn A và anh Đỗ Thành T, không có con riêng, con nuôi. Năm 2023, ông D chết không để lại di chúc; bố mẹ đẻ ông D đều chết trước ông D. Việc ông D, bà L cho anh O, chị N vay tài sản anh Tuấn A và anh T không biết. Nay bà L khởi kiện đòi nợ gốc đối với anh O và chị N, anh Tuấn A và anh T nhất trí yêu cầu của bà L; không yêu cầu phân chia phần ông D, bà L được sở hữu, đề nghị giao toàn bộ khoản nợ của ông O, bà N cho bà L sở hữu, không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L đối với bị đơn ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N; ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và anh Đỗ Thành T. Buộc anh Đỗ Văn O, bà Lã Thị N phải trả nợ cho bà Phạm Thị L tiền vay gốc là 220.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phạm Thị L và buộc các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đỗ Văn O và bà Lã Thị N đều vắng mặt vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, bà N, ông O là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1. Về nợ gốc:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N trả tiền vay gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh là giấy biên nhận bản gốc đề “Giấy vay tiền” ghi ngày 03 tháng 04 năm 2018 dương lịch có chữ ký của vợ chồng ông Đỗ Văn O và bà Lã Thị N. Bị đơn ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ giấy biên nhận tiền bản gốc do bà L cung cấp có chữ ký của bà N, ông O, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 03 tháng 04 năm 2018 dương lịch, bà L, ông D cho vợ chồng ông O, bà N vay số tiền 220.000.000đ, có viết giấy biên nhận, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng là sự việc có thật. Hợp đồng vay tài sản giữa bà L, ông D và ông O, bà N lập ngày 03 tháng 04 năm 2018 dương lịch là hợp đồng vay có lãi, không thời hạn thanh toán theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông O, bà N đã trả lãi cho ông D, bà L đến tháng 7 năm 2018 dương lịch và chưa trả được gốc cho bà L. Yêu cầu của bà L về việc buộc ông O, bà N phải trả tiền vay gốc 220.000.000đ là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về lãi suất:* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, bà L khai các bên có thỏa thuận lãi suất tính theo mức lãi suất Ngân hàng. Tuy nhiên, giấy vay tiền do bà N, ông O lập không thể hiện việc các bên có thỏa thuận về lãi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà L xin rút yêu cầu tính lãi. Xét việc rút yêu cầu tính lãi của bà L là tự nguyện, không trái pháp luật nên đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà L.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí. Bị đơn ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N phải trả nợ gốc 220.000.000đ cho bà L nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L: Buộc ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N phải trả nợ cho bà Phạm Thị L tiền vay gốc 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất số tiền vay gốc 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) của bà Phạm Thị L đối với ông Đỗ Văn O, bà Lã Thị N.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc vợ chồng bà Lã Thị N, ông Đỗ Văn O phải nộp 11.000.000 (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe